TÒA ÁN ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/KDTM-ST
Ngày 21/7//2020
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ- TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Mộng Trinh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Trực

2. Bà Trần Thị Thanh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trương Bảo Long - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phương Hồng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế), xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2020/TLST-KDTM ngày 02 tháng 01 năm 2020, về việc Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Xăng dầu T; địa chỉ: Số 48 đường H, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Khoa Phong Đ- Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T- Trưởng phòng kế toán – Tài chính công ty; có mặt;

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại T; địa chỉ: Thôn Phú Hòa, xã H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Đăng K- Giám đốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn Công ty Xăng dầu T trình bày:

Công ty Xăng dầu T và Công ty TNHH xây dựng và Thương mại T (Sau đây gọi tắt là Công ty T đã ký kết hợp đồng mua bán xăng dầu số 09/BBTT/2016 ngày 17/8/2016 về việc mua bán xăng dầu và dầu mỡ nhờn. Quá trình mua bán và thanh toán, tính đến ngày 29/12/2016, Công ty T còn nợ Công ty Xăng dầu T 53.463.961 đồng.

Công ty Xăng dầu T đã nhiều lần liên hệ với Công ty T yêu cầu thanh toán nhưng Công ty T không thực hiện, qua nhiều lần làm việc Công ty T có cam kết trả nợ nhưng đến nay vẫn không thanh toán tiền nợ trên cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu công ty T phải trả số tiền còn nợ là 53.463.961 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Phía bị đơn là Công ty T: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đến trình bày lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đều tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 30, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 297 Luật thương mại; Điều 274, 275, 357, 430, 440 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc công ty T phải trả cho Công ty Xăng dầu T, số tiền nợ mua hàng là 53.463.961 đồng; về án phí: Đề nghị buộc Công ty T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Công ty Xăng dầu T và Công ty T đều là pháp nhân, cả hai ký hợp đồng mua bán xăng dầu đều vì mục đích lợi nhuận; theo thỏa thuận tại hợp đồng, nếu có tranh chấp xảy ra thì Tòa án nhân dân thành phố Huế giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, Toà án nhân dân thành phố Huế thụ lý giải quyết là đúng pháp luật.

- Phía bị đơn Công ty T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để trình bày tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng phía bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ Hợp đồng mua bán xăng dầu số 09/BBTT/2016 ngày 17/8/2016 được ký kết giữa Công ty xăng dầu T và Công ty TNHH và TM T, theo đó, Công ty xăng dầu T bán cho T các loại xăng dầu Diezen 120.000 lít và dầu mỡ nhờn theo yêu cầu đặt hàng của T, giá cả, phương thức thanh toán do các bên thỏa thuận.

Hợp đồng trên được ký kết hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo đúng về nội dung lẫn hình thức theo quy định của pháp luật, nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ các biên bản đối chiếu công nợ được xác nhận của cả hai bên ngày 01/7/2016, 01/7/2017 và 01/7/2018, thì Công ty T còn nợ Công ty xăng dầu Tsố tiền là 53.463.961 đồng. Nguyên đơn đã nhiều lần gửi Thông báo yêu cầu bị đơn thanh toán nợ nhưng bị đơn không thực hiện. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu T thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu là 53.463.961 đồng là có cơ sở cần chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định là 3.000.000 đồng; nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 50 Luật thương mại; Điều 274, 275, 351, 357, 430, 440 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty Xăng dầu T.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại T phải trả cho Công ty Xăng dầu T số tiền 53.463.961 đồng (Năm mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi mốt đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại T phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Trả lại Công ty Xăng dầu T số tiền 3.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/009004, ngày 23/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- CCTHADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, KDTM.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà

Mai Thị Mộng Trinh